Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3826.00.30

Mã HS	3826.00.30
Mô tả hàng hóa	Diesel sinh học và hỗn hợp của chúng, không chứa hoặc chứa dưới 70% trọng lượng là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc dầu thu được từ các khoáng bi-tum / - Diesel sinh học, không chứa dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 06:39:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38260030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5550
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5550
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5550
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5420
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5381
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5381
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5381
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5381
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5381
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5381
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5425
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5425

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5425
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5425
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5425
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5425
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5423
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5423
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5423
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5423
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5423
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5423
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5425
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5387
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5383
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5383
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5383
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5383
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5383
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5383
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5392
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5392
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5392
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5392
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5392
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5392
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5433
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5433
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5433
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5433
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5433
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5434
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5434
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5434
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5434
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5434
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5434
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5437
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5437
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5437
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5437
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5437
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5437
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5406
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5406
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5406
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5406
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5406
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5406
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5408
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5408
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5408
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5408
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5408
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5406
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5406
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5406
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5406
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5406
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5406
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5406
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5427
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5427
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5427
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5427
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5427
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5427
RCEP B	2022	2022	0	B!D5427
RCEP B	2023	2023	0	B!E5427
RCEP B	2024	2024	0	B!F5427
RCEP B	2025	2025	0	B!G5427
RCEP B	2026	2026	0	B!H5427
RCEP B	2027	2027	0	B!I5427
RCEP C	2022	2022	0	C!D5427
RCEP C	2023	2023	0	C!E5427
RCEP C	2024	2024	0	C!F5427
RCEP C	2025	2025	0	C!G5427
RCEP C	2026	2026	0	C!H5427

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5427
RCEP D	2022	2022	0	D!D5427
RCEP D	2023	2023	0	D!E5427
RCEP D	2024	2024	0	D!F5427
RCEP D	2025	2025	0	D!G5427
RCEP D	2026	2026	0	D!H5427
RCEP D	2027	2027	0	D!I5427
RCEP E	2022	2022	0	E!D5430
RCEP E	2023	2023	0	E!E5430
RCEP E	2024	2024	0	E!F5430
RCEP E	2025	2025	0	E!G5430
RCEP E	2026	2026	0	E!H5430
RCEP E	2027	2027	0	E!I5430
RCEP F	2022	2022	0	F!D5427
RCEP F	2023	2023	0	F!E5427
RCEP F	2024	2024	0	F!F5427
RCEP F	2025	2025	0	F!G5427
RCEP F	2026	2026	0	F!H5427
RCEP F	2027	2027	0	F!I5427
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4994
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4994
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4994
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4994

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3826.00 có 6 dòng thuế; dòng 3826.00.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3826.00.10 Este metyl từ dừa (CME) (SEN); 3826.00.21 Có hàm lượng este metyl từ 96,5% trở lên nhưng không quá 98% (SEN); 3826.00.22 Có hàm lượng este metyl trên 98% (SEN); 3826.00.29 Loại khác (SEN); 3826.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3826.00.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3826.00.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5550), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.